TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH N

Bản án số: 25/2022/DS-ST
Ngày: 29/8/2022
V/v "Kiện đòi lại tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết N

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân O và ông Trần Quốc Đ

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hải Y – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V*: Bà Trần Thị T, Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2022/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc: "Kiện đòi lại tài sản".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐHPT ngày 21/9/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê Thị N Sinh năm: 1981

Địa chỉ: Khối 13, phường B, thành phố V, tỉnh N, có mặt.

Bị đơn: ông Lưu Đình C Sinh năm: 1975

Địa chỉ: số 55, đường T, khối Y, phường H, thành phố V, tỉnh N, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2022, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Lê Thị N trình bày:

Bà và ông Lưu Đình C có mối quan hệ là đều công tác trong ngành y, trước đây ông C công tác tại sở y tế N còn bà làm việc tại Bệnh viện đa khoa N. Khi ông Cử hỏi vay tiền để mua máy móc, thiết bị y tế mở phòng khám đa khoa ở huyện Nghĩa Đàn thì bà đồng ý cho ông C vay tiền. Cụ thể như sau:

- Ngày 18/12/2017 bà cho ông C vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Thời hạn vay 06 tháng, trong giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận ngoài lãi suất là 2%/tháng. Giấy vay tiền do ông C viết và ký tên.

- Ngày 8/3/2018 bà tiếp tục cho ông C vay số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) hẹn ngày 24/4/2018 sẽ trả hết, trong giấy vay tiền không ghi thỏa thuận về lãi suất.

- Ngày 15/3/2018 ông C vay tiếp số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) và hẹn ngày 04/5/2018 sẽ trả, lần này không viết giấy vay tiền nhưng đến ngày 09/6/2018,

do ông C không trả được số nợ trên nên viết gộp ngày 08/3/2018 vay 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) và ngày 15/3/2018 vay 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) thành giấy vay với số tiền là 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) và hẹn trả làm 06 đợt nhưng đến giờ vẫn không trả được. Tất cả các lần vay tiền đều không ghi lãi suất trong giấy vay. Như vậy tổng số tiền ông C còn nợ bà là 385.000.000 đồng (ba trăm tám mươi lăm triệu đồng). Quá trình vay ông C đã trả được 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), còn nợ 383.500.000 đồng (ba trăm, tám mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng). Ny bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lưu Đình C phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 383.500.000 đồng (ba trăm tám mươi bà triệu năm trăm nghìn đồng), bà không yêu cầu tiền lãi suất.

- *Bị đơn Lưu Đình C trình bày:* Ông thừa nhận các nội dung mà bà Lê Thị N đã trình bày về thời gian vay nợ, số tiền nợ gốc như trên là đúng. Từ trước năm 2018 ông có mở phòng khám bệnh, với mối quan hệ quen biết, ông đã nhờ bà Lê Thị N vay tiền cho ông với lãi suất cao ở hai nơi mà bà N quen biết với mục đích để mua trang thiết bị y tế. Sau một thời gian do dịch bệnh covid19, hoạt động phòng khám bị thua lỗ, ông phải nghỉ ở cơ quan Nhà nước là Sở y tế N. Trong quá trình đó ông phải đi làm ăn xa nhưng ông vẫn liên lạc thường xuyên với bà N. Quá trình ông không ở nhà thì các chủ nợ có đến đòi tiền bà N còn việc bà N xử lý thế nào thì ông không rõ. Ông thừa nhận các giấy vay nợ mà bà N xuất trình tại Tòa án là do ông viết và ký tên, ông có nợ bà N số tiền 385.000.000 đồng (ba trăm tám mươi lăm triệu đồng). Trong số 385.000.000 đồng ông đã vay thì ông thừa nhận vay trực tiếp của chị N số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) còn số tiền 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) là vay với lãi suất cao và bà N là người đứng ra bảo lãnh khoản vay đó cho ông. Quá trình vay ông C đã trả được 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), còn nợ 383.500.000 đồng (ba trăm tám mươi bà triệu năm trăm nghìn đồng). Ny bà N yêu cầu ông trả số tiền nợ gốc là 383.500.000 đồng (ba trăm tám mươi bà triệu năm trăm nghìn đồng) thì ông thừa nhận số nợ trên nhưng hiện Ny do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông đề nghị bà N cho ông thêm thời gian để trả nợ dần cho bà N.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đầy đủ, việc cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định pháp luật, các đương sự đều đã được nhận đầy đủ, việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết vụ án đúng hạn luật định.

Sự chấp hành của các đương sự: nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan.

Đây là vụ án dân sự "Kiện đòi lại tài sản", yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị N có đơn khởi kiện đòi lại tài sản đối với ông Lưu Đình C, địa chỉ: Địa chỉ: số 55, đường Tuệ Tĩnh, khối Yên Sơn, phường H, thành phố V, tỉnh N. Vì vậy, đây là vụ án dân sự: "kiện đòi lại tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh N theo quy định tại điều 30, khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung: Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất nội dung sau: bà N và ông C có mối quan hệ đều công tác trong ngành y tế tại thành phố V, tỉnh N. Do có nhu cầu mở phòng khám nên ông C đã hỏi vay tiền, mục đích để mua sắm máy móc và trang thiết bị y tế, bà N đồng ý và cho vay cụ thể như sau:

- Ngày 18/12/2017 bà cho ông C vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Thời hạn vay 06 tháng, trong giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận ngoài lãi suất là 2%/tháng. Giấy vay tiền do ông C viết và ký tên.

- Ngày 8/3/2018 bà tiếp tục cho ông C vay số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) hẹn ngày 24/4/2018 sẽ trả hết, trong giấy vay tiền không ghi thỏa thuận về lãi suất.

- Ngày 15/3/2018 ông C vay tiếp số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) và hẹn ngày 04/5/2018 sẽ trả, lần này không viết giấy vay tiền nhưng đến ngày 09/6/2018, do ông C không trả được số nợ trên nên viết gộp ngày 08/3/2018 vay 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) và ngày 15/3/2018 vay 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) thành giấy vay với số tiền là 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) và hẹn trả làm 06 đợt nhưng đến giờ vẫn không trả được. Tất cả các lần vay tiền đều không thỏa thuận lãi suất trong giấy vay. Như vậy tổng số tiền ông C còn nợ bà là 385.000.000 đồng (ba trăm tám mươi lăm triệu đồng). Quá trình vay ông C đã trả được 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), còn nợ 383.500.000 đồng (ba trăm tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Ny ông Lưu Đình C còn nợ bà Lê Thị N số tiền nợ gốc là 383.500.000 đồng (ba trăm tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng), bà N không yêu cầu tiền lãi suất. Tuy các bên đã thống nhất được số nợ như trên, nhưng ông Lưu Đình C xin được trả dần vì hiện Ny ông đang gặp khó khăn do hai năm Ny phòng khám không hoạt động vì dịch bệnh Covid 19, máy móc thiết bị y tế xuống cấp và phải dừng hoạt động không có thu nhập gì từ phòng khám. Bà N không đồng ý với yêu cầu trên của ông C mà đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm Ny ông C cho rằng trong số nợ 385.000.000 đồng vay bà N, ông chỉ thừa nhận vay trực tiếp bà N số tiền là 100.000.000

đồng (một trăm triệu đồng) còn số tiền 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) là vay với lãi suất cao và bà N là người đứng ra bảo lãnh khoản vay đó cho ông, nhưng tại phiên tòa hôm Ny bà N khẳng định tất cả các lần cho vay bà N là người trực tiếp giao tiền cho ông C, ông C nhận tiền và viết giấy ký tên, ngoài ra không có ai tham gia, việc bà vay tiền của ai không liên quan đến ông C và bà N cũng không bảo lãnh bất kỳ khoản vay nào cho ông C. Tại phiên tòa hôm Ny, ông C không xuất trình được chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày trên, nên lời khai nại trên của ông C là không có căn cứ.

Xét, do các bên đã thống nhất được về số tiền vay, mối quan hệ, mục đích cho vay, thời gian vay, số tiền đã trả và số tiền hiện còn nợ. Vì vậy, yêu cầu đòi lại tài sản của bà N là có căn cứ nên được chấp nhận. Vì vậy, cần buộc ông Lưu Đình C phải trả số tiền nợ gốc là 383.500.000 đồng (ba trăm tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà Lê Thị N. Bà Lê Thị N không yêu cầu tiền lãi suất nên hội đồng xét xử miễn xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lưu Đình C phải phải nộp án phí DSST theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho bà Lê Thị N toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố V.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 3 điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

[2]. Buộc ông Lưu Đình C có nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Thị N số tiền nợ gốc là 383.500.000 đồng (ba trăm tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Bà N không yêu cầ tiền lãi suất.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lưu Đình C phải nộp 19.175.000đ (mười chín triệu, một trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị N số tiền 22.000.000đ (hai mươi hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009916 ngày 03/3/2022.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án dân sự, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:
- VKSND TPV
- Chi cục THADS TPV
- TAND tỉnh N
- VKSND tỉnh N
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

Thẩm phán

Nguyễn Thị Tuyết Nhung